

Bản án số: 96/2023/HSST

Ngày: 04 - 5- 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Tân – Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Việt Nam Phường 04, quận Gò Vấp
2. Bà Châu Thị Lệ – Nguyên Chuyên viên Phòng giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, giới tính: Nam, sinh ngày 16/12/2005 tại Tp. N; Hộ khẩu thường trú: Đội 1, Thôn A, xã H, huyện Đ, Tp. N và nơi cư trú: 221/28D đường V, phường B, quận T, Tp. H; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc : kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Phạm Văn C (sinh năm 1974) và bà Trần Thị M (sinh năm 1976); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 09/10/2022. Bị cáo (có mặt).

Đại diện hợp pháp của bị cáo : Bà Trần Thị M, sinh năm 1976 (mẹ ruột); Trú tại: 221/28D đường V, phường B, quận T, Tp. H (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo H : Luật sư Bùi Thị Hồng Vân – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Vương D, giới tính: Nam, sinh ngày 11/6/2005 tại Tp. H; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 76/33/14 đường E, phường B, quận T, Thành phố H; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch : Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Vương T (sinh năm 1969) và bà Phan Thị T (sinh năm 1976); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 09/10/2022. Bị (có mặt).

Đại diện hợp pháp của bị cáo : Bà Phan Thị T, sinh năm 1976 (mẹ ruột) ; Trú tại: 76/33/14 đường E, phường B, quận T, Thành phố H (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Phan Thị Ngọc Thanh – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Phạm Đức P, giới tính: Nam, sinh ngày 06/11/2005 tại tỉnh Y; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 18/32 Tổ 6, khu phố M, phường C, Quận N, Thành phố H; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch : Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Phạm Quốc T (sinh năm 1970) và bà Nguyễn Thị Bích L (sinh năm 1971); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; Tiền sự: 01; Bị Công an quận Tân Phú xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 09/10/2022. Bị cáo (có mặt).

Đại diện hợp pháp của bị cáo : Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1971 (mẹ ruột) ; Trú tại: 18/32 Tổ 6, khu phố M, phường C, Quận N, Thành phố H (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo P: Luật sư Vũ Anh Tuấn – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo P: Luật sư Trịnh Hồng Quân – Văn phòng Luật sư Minh Châu thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4. Huỳnh Gia L, giới tính: Nam, sinh ngày 26/02/2006 tại tỉnh Q; Hộ khẩu thường trú: 476/250 Đường S, Phường 10, quận G và nơi cư trú: 536/43/36 Đường S, Phường 10, quận G, Thành phố H; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch : Việt Nam; dân tộc : Kinh; tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Huỳnh Tấn N (sinh năm 1982) và bà Nguyễn Thị Mỹ D (sinh năm 1982); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị cáo ra đầu thú và bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2023. Bị cáo (có mặt).

Đại diện hợp pháp của bị cáo : Huỳnh Tấn N, sinh năm 1982 (cha ruột); Trú tại: 476/250 Đường S, Phường 10, quận G, Thành phố H (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo L: Luật sư Vũ Anh Tuấn – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị hại : Anh Phạm Trung Đ, sinh năm 1999; trú tại: 68/47 đường N, phường N, Quận N (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tấn N, sinh năm 1982; Trú tại: 476/250 Đường S, Phường 10, quận G, Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 09/10/2022, Phạm Văn H, Vương D và Phạm Đức P đi chơi ở quận T, Thành phố H thì H rủ D chiều tối cùng ngày đi cướp giật tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. D đồng ý. Lúc này, Phạm Đức P nghe H và D nói đi cướp giật tài sản nên xin đi theo và được H, D đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D gọi điện thoại rủ Huỳnh Gia L cùng đi cướp giật tài sản thì L đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59P3 - 196.21 đến nhà D rồi cùng D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59K2 - 420.46 đến quán cà phê nơi H và P đang ngồi. Khi đến nơi, H điều khiển xe mô tô biển số 59P3-196.21 chở L, còn D điều

khuyến xe mô tô biển số 59K2-420.46 chở P đi cướp giật tài sản. Trên đường đi, L nói mình sẽ là người giật tài sản, D nói sẽ làm nhiệm vụ cản địa. Khi đang lưu thông trên đường Quang Trung hướng về đường Phạm Văn Chiêu, L phát hiện anh Phạm Trung Đ (sinh năm 1999) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 70L1 - 821.90 lưu thông phía trước cùng chiều. H điều khiển xe áp sát bên trái anh Đ, sau đó L dùng tay phải giật điện thoại Iphone 12 Pro max mà anh Đ đang sử dụng. Sau đó, H tăng ga xe bỏ chạy về hướng đường Phạm Văn Chiêu. Thấy vậy, D điều khiển chở P chạy lên phía trước đầu xe của anh Đ để ngăn cản anh Đ đuổi theo H và L. Khi đến ngã tư đường Quang Trung và đường Phạm Văn Chiêu, xe H điều khiển tự té ngã. Thấy vậy, D dừng xe lại thì bị anh Đ chạy xe đến đụng vào đuôi xe của D làm D và P ngã xuống đường và bị người dân bắt giữ. Sau khi ngã xe, H và L bỏ xe chạy bộ. Trên đường bỏ chạy, L đưa điện thoại giật được cho H giữ. Trong lúc bỏ chạy, H vứt bỏ điện thoại ở đâu không nhớ rồi bị người dân bắt giữ, còn L chạy thoát được. D, H và P bị người dân đưa đến Công an Phường 8, quận Gò Vấp lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL: 78-198).

Ngày 22/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp ra Quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Huỳnh Gia L để điều tra về hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 06/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp ra Quyết định truy nã đối với Huỳnh Gia L do không biết bị can đang ở đâu. Đến ngày 14/02/2023, Huỳnh Gia L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đầu thú.

Quá trình điều tra, Phạm Văn H, Vương D, Phạm Đức P và Huỳnh Gia L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax của anh Phạm Trung Đ do Huỳnh Gia L cướp giật (không thu hồi được). Kết luận định giá tài sản số 257 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Gò Vấp kết luận: Điện thoại di động nêu trên có giá trị 13.766.667 đồng (Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số 59P3-196.21, thu giữ của Huỳnh Gia L. Qua xác minh, xe máy trên do ông Huỳnh Tấn N, sinh năm 1982 (cha ruột của L) đứng tên chủ sở hữu. Ông N cho L mượn xe mô tô trên để sử dụng và không biết L sử dụng xe mô tô trên vào mục đích cướp giật tài sản. CQĐT Công an quận Gò Vấp đã trả lại xe máy trên cho ông N.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A02 thu giữ của Phạm Văn H. Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại trên không liên quan đến hành vi cướp giật tài sản. CQĐT Công an quận Gò Vấp đã trả lại hai điện thoại trên cho H.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số 59K2 - 420.46. Thu giữ của Vương D. Qua xác minh, xe trên do D đứng tên chủ sở hữu. D sử dụng xe này để thực hiện hành vi Cướp giật tài sản.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 thu giữ của Vương D. Điện thoại trên D sử dụng để liên lạc với Huỳnh Gia L rủ L đi cướp giật tài sản.

CQĐT Công an quận Gò Vấp đã nhập kho vật chứng đối với xe máy Honda Vario, biển số 59K2-420.46 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 thu giữ của Vương D do có liên quan đến hành vi phạm tội để phục vụ công tác xét xử

Tại bản cáo trạng số 68/Ctr-VKS, ngày 07/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố bị cáo Phạm Văn H, Vương D, Phạm Đức P, Huỳnh Gia L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp sau khi phân tích nội dung vụ án, những tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 91, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm.

- Xử phạt bị cáo Vương D mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đức P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Gia L mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số 59K2 - 420.46 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12.

Luật sư Vân bào chữa cho bị cáo H có ý kiến: Đồng ý tội danh mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo H là không phù hợp bởi lẽ bản thân bị cáo H cũng là người dưới 18 tuổi nên nhận thức còn hạn chế nên đề nghị không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo H. Mặt khác, bị cáo H phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, sau khi xảy ra sự việc, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự và các quy định đối với người dưới 18 tuổi để cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất là án treo tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo sống có ích cho xã hội.

Luật sư Tuấn, Luật sư Thanh bào chữa cho bị cáo D, P và L có ý kiến: Cùng thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư Vân, thống nhất việc truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo H và bị cáo D. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo D, P, L đều phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội là người dưới 18 tuổi nên nhận thức còn hạn chế, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự và các quy định đối với người dưới

18 tuổi để cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất là án treo tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo sống có ích cho xã hội.

Luật sư Quân bào chữa cho bị cáo P: Thống nhất với ý kiến bào chữa của bị cáo Tuấn bào chữa cho bị cáo P và xin bổ sung thêm, bị cáo P là người dưới 18 tuổi nên nông nổi nhất thời đi theo các bị cáo khác cùng phạm tội, không rủ ai tham gia, không trực tiếp cướp giật tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận đối đáp: Hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là phù hợp pháp luật đã được các Luật sư đồng tình nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố. Tại phiên tòa, Luật sư của bị cáo H và bị cáo D cho rằng việc đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không phù hợp vì bản thân bị cáo H và D cũng là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, bản thân bị cáo H và bị cáo D biết rõ người mình rủ rê phạm tội đều là người dưới 18 tuổi nhưng vẫn rủ rê, xúi giục phạm tội nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên ý kiến cần áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo H và bị cáo D.

Qua ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các Luật sư, các bị cáo nhất trí và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Luật sư và các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại, người làm chứng, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Phạm Văn H, Vương D, Phạm Đức P, Huỳnh Gia L đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài phục vụ cho nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính, giữa nơi công cộng đông người qua lại các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất táo bạo và liều lĩnh bất chấp hậu quả xảy ra, qua đó thể hiện ý thức của các bị cáo rất xem thường pháp luật.

Xét, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người rủ rê bị cáo D, bị cáo D rủ bị cáo L cùng với bị cáo P thực

hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo cùng thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi, đã cùng sử dụng phương tiện xe gắn máy chạy lên ép sát vào người bị hại để giật tài sản của người bị hại, dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội là tình tiết định khung tăng nặng nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là phù hợp qui định pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Do đó, cần thiết phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cân nhắc xem xét đến vai trò, nhân thân của từng bị cáo cân nhắc mức hình phạt cho phù hợp tương ứng với vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Bị cáo H và bị cáo D, mặc dù biết bị cáo D và L đều là người dưới 18 tuổi nhưng các bị cáo H, D đã rủ rê, xúi giục để cùng thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tình tiết tăng nặng là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và là người cùng tham gia với các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên khi lượng hình cần cân nhắc mức án đối với 02 bị cáo H và D cho phù hợp.

Đối với bị cáo P là người có nhân thân xấu, đã có hành vi trái pháp luật và là người giúp sức tích cực cùng với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L là người trực tiếp giật tài sản của bị hại nên cần phải có mức án phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo P và bị cáo L.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét một số tình tiết: Các bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, thời điểm phạm tội các bị cáo đều là người chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế. Tại cơ quan điều tra cũng như diễn biến phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại nên Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét, các bị cáo Phạm Văn H, Vương D, Phạm Đức P đã bị tạm giam từ ngày 09/10/2022 đến nay, bị cáo Huỳnh Gia L đã bị tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến nay. Thời gian tạm giam trên cũng đủ để các bị cáo thấy được lỗi lầm về hành vi sai trái mà mình đã thực hiện. Mặt khác, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình. Qua đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, nghĩ không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách lâu dài, tạo điều kiện cho các bị cáo lao động, cải tạo sống có ích cho xã hội. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Phạm Văn H, Vương D, Phạm Đức P, Huỳnh Gia L nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án, các bị cáo là người dưới 18 tuổi nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại anh Phạm Trung Đ vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện, anh Đ đã được gia đình các bị cáo bồi thường số tiền 16.000.000 đồng giá trị tài sản bị chiếm đoạt, có đơn bãi nại và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax do Huỳnh Gia L cướp giật hiện không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biên số 59P3-196.21, thu giữ của Huỳnh Gia L. Qua xác minh, xe máy trên do ông Huỳnh Tấn N, sinh năm 1982 (cha ruột của L) đứng tên chủ sở hữu. Ông N cho L mượn xe mô tô trên để sử dụng và không biết L sử dụng xe mô tô trên vào mục đích cướp giật tài sản. CQĐT Công an quận Gò Vấp đã trả lại xe máy trên cho ông N. Xét, việc trả lại tài sản trên là hợp lệ nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết lại.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A02 thu giữ của Phạm Văn H. Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại trên không liên quan đến hành vi cướp giật tài sản. CQĐT Công an quận Gò Vấp đã trả lại hai điện thoại trên cho H. Xét, việc trả lại tài sản trên là hợp lệ nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết lại.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biên số 59K2 - 420.46. Thu giữ của Vương D. Qua xác minh, xe trên do D đứng tên chủ sở hữu. D sử dụng xe này để thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 thu giữ của Vương D. Điện thoại trên D sử dụng để liên lạc với Huỳnh Gia L rủ L đi cướp giật tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xét, lời bào chữa của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ một phần có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H, bị cáo Vương D, bị cáo Phạm Đức P, bị cáo Huỳnh Gia L phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Vương D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Giao bị cáo Vương D cho Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Đức P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Đức P cho Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Gia L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Huỳnh Gia L cho Ủy ban nhân dân phường 10, quận Tân Bình, Thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả tự do cho các bị cáo Phạm Văn H, Vương D, Phạm Đức P, Huỳnh Gia L ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tam giam về một tội phạm khác.

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số 59K2 - 420.46 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 31/PNK ngày 22/02/2023 của Công an quận Gò Vấp)

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;
- Công an quận Gò Vấp;
- Viện kiểm sát quận Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương